

Phụ lục 104

BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ ĐẮK SẮK

I. Bảng giá nhóm đất nông nghiệp

1. Đất trồng cây hằng năm; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản:

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Loại đất	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1	Đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác)	76	60	48	40
2	Đất trồng cây lâu năm	122	86	61	48
3	Đất rừng sản xuất	24	21	18	15
4	Đất nuôi trồng thủy sản	38	31	27	23

2. Đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng: Giá đất được xác định bằng 80% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí.

3. Đất chăn nuôi tập trung: Giá đất được xác định bằng 110% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

4. Đất nông nghiệp khác: Giá đất được xác định bằng 120% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

5. Đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở: Giá đất được xác định bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất đang sử dụng, cùng vị trí, nhưng mức giá tối đa không cao hơn giá đất phi nông nghiệp tại vị trí của thửa đất nông nghiệp đó; trường hợp theo quy định không xác định được loại đất nông nghiệp đang sử dụng thì xác định theo loại đất của diện tích đất nông nghiệp liền kề hoặc gần nhất (chọn theo loại đất có diện tích lớn nhất và theo thứ tự nếu không xác định được theo diện tích liền kề thì xác định theo diện tích đất gần nhất).

II. Bảng giá nhóm đất phi nông nghiệp:

1. Đất ở:

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
I	Xã Đắk Sắk cũ	
1	Tỉnh lộ 682	
	Từ ngã ba Thọ Hoàng đến cầu trắng	2.647
	Từ cầu trắng đến giáp ranh xã Đắk Song cũ	1.484
2	Đường Tỉnh lộ 683	
	Từ ngã tư giáp Tỉnh lộ 682 đến hết Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến ngã tư Trường Lê Hồng Phong	3.456

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ hết Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến hết Trường Lê Hồng Phong	1.318
	Từ ngã tư Trường Lê Hồng Phong đến ngã ba đường vào E29	1.131
	Từ ngã ba đường vào E29 đến ngã ba bon Đắc Mâm (nhà thờ Tin Lành)	1.144
	Từ ngã ba bon Đắc Mâm (nhà thờ Tin Lành) đến ngã ba Nghĩa địa bon Đắc Mâm	750
3	Đường nội xã	
	Từ giáp ranh xã Đức Mạnh cũ Tỉnh lộ 682 đến ngã ba đầu thôn Thọ Hoàng 1	476
	Từ ngã ba đầu thôn Thọ Hoàng 1 đến hết Trạm điện T15	400
	Từ Trạm điện T15 đến hết Trường Lê Hồng Phong	400
	Từ Trạm điện T15 đến Thôn Phương Trạch (giáp Tỉnh lộ 683)	289
4	Đường 3/2	
	Từ Tỉnh lộ 683 đến đường sân bay cũ	406
5	Đường liên xã Đắc Sắk - Đức Mạnh	
	Từ Tỉnh lộ 682 đến ngã ba đầu thôn Thọ Hoàng 1	426
6	Đường liên thôn	
	Từ đầu sân bay (liên thôn 1-2) đến cuối thôn 2 (đường song song với đường sân bay)	374
	Từ Tỉnh lộ 683 đến phân hiệu trường Lê Hữu Trác	577
	Từ phân hiệu trường Lê Hữu Trác đến cầu ông Quý	349
	Từ Tỉnh lộ 682 đến ngã ba giáp xã Đắc Mol cũ	332
	Từ ngã ba xã Đắc Mol cũ đến hết thôn Xuân Bình	291
7	Các nhánh từ sân bay vào sâu 200m	258
8	Các nhánh đường đầu nối với Tỉnh lộ 682, Tỉnh lộ 683 vào sâu 200m	258
9	Đất ở các khu dân cư còn lại (xã Đắc Sắk cũ)	195
II	Xã Đắc Sắk (Xã Nam Xuân cũ)	
1	Đường nối Tỉnh lộ 683 với Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	
	Từ ngã ba Tỉnh lộ 683 (hướng đi xã Đắc Sôr cũ) đến hết sân bóng Thiên An	1.415
	Từ hết sân bóng Thiên An đến ngã ba nhà ông Hà Đức Tuyên	1.365
	Từ ngã ba nhà ông Hà Đức Tuyên đến ranh giới xã Đắc Sôr cũ	993
2	Đường Tỉnh lộ 683	
	Từ ngã ba Tỉnh lộ 683 (hướng đi Đắc Mĩl) đến ngã ba vào thôn Đắc Hợp	1.281
	Từ ngã ba Tỉnh lộ 683 (hướng đi Krông Nô) đến cầu cháy	1.415
	Từ cầu cháy đến giáp ranh Krông Nô	847
	Từ ngã ba đường đi Đắc Hợp đến ngã ba nhà Lan Chứ (thôn Thanh Sơn)	847
	Từ ngã ba nhà Lan Chứ (thôn Thanh Sơn) đến ngã ba đường lên thôn Lương Sơn	1.345
	Từ ngã ba đường lên thôn Lương Sơn đến cầu Sập thôn Đắc Sơn	788
3	Đường đi Nam Sơn (cũ)	
	Từ ngã ba Thanh Sơn đến đầu cầu Sơn Hà cũ	837
	Từ đầu cầu Sơn Hà cũ đến ngã ba tiếp giáp Tỉnh lộ 683	640
	Từ Trạm bơm đến giáp ranh xã Đắc Mĩl	476
4	Đường đi Đắc Hợp	
	Từ ngã ba Tư Anh đến hết suối Đắc Sôr	664
	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Lượng đến hết đất nhà ông Lưu Trung Hiền	640
5	Các trục đường bê tông còn lại	289
6	Đường đi Hồ đập Nam Xuân (đi suối Boong cũ)	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ ngã ba nhà Trang Nhân đến suối Đắc Oi	640
	Từ suối Đắc Oi đến Hồ đập Nam Xuân	437
	Từ ngã ba trại heo đến ngã ba tiếp giáp Tỉnh lộ 683	437
7	Đất ở các khu dân cư còn lại (Nam Xuân cũ)	196
8	Đường bê tông thôn Đắc Thanh	
	Từ Tỉnh lộ 683 nhà ông Lang Thanh Dẫn đến cầu suối Đắc Oi	664
	Từ cầu suối Đắc Oi đến đường đi Hồ đập Nam Xuân	437
9	Đường đi Nam Đà	
	Từ ngã ba tiếp giáp Tỉnh lộ 683 đến giáp ranh xã Nam Đà cũ	697
10	Đường bê tông thôn Nam Thanh	
	Từ nhà ông Hà Đức Tuyên đến đường Tỉnh lộ 683	437
11	Đường bê tông thôn Đắc Xuân	
	Từ đường Tỉnh lộ 683 và Trường THCS Lý Tự Trọng đến giáp đường bê tông thôn Đắc Hợp	639
	Từ đường Tỉnh lộ 683 và Hội trường thôn Đắc Xuân đến giáp đường bê tông thôn Đắc Hợp	437
12	Đường thôn Lương Sơn	
	Từ ngã ba thôn Thanh Sơn đến ngã ba Hội trường Lương Sơn	476
III	Xã Đắc Sắk (xã Long Sơn cũ)	
1	Đường Tỉnh lộ 683	
	Từ ngã ba Nghĩa địa bon Đắc Mâm đến cầu suối 3	431
	Từ cầu suối 3 đến cầu Sập	410
2	Các đường nhánh từ Tỉnh lộ 683 vào sâu đến 200m	289
3	Đường thôn Nam Sơn	289
4	Đường liên xã Long Sơn - Đắc R'la (đường ĐH 20)	
	Từ Hội trường thôn Tây Sơn đến mỏ đá cũ	258
5	Đường thôn Tây Sơn	
	Từ đường ĐH 20 đến Tỉnh lộ 683	258
6	Đất ở các khu dân cư còn lại	187

2. Đất thương mại, dịch vụ (TMDV); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (CSSXPNN); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (HĐKS):

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất TMDV	Giá đất CSSX PNN	Giá đất HĐKS
I	Xã Đắc Sắk cũ			
1	Tỉnh lộ 682			
	Từ ngã ba Thọ Hoàng đến cầu trắng	2.118	1.853	1.853
	Từ cầu trắng đến giáp ranh xã Đắc Song cũ	1.187	1.039	1.039
2	Đường Tỉnh lộ 683			
	Từ ngã tư giáp Tỉnh lộ 682 đến hết Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến ngã tư Trường Lê Hồng Phong	2.765	2.419	2.419
	Từ hết Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến hết Trường Lê Hồng Phong	1.054	923	923
	Từ ngã tư Trường Lê Hồng Phong đến ngã ba đường vào E29	905	792	792